TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 01 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận
Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 629/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1995; CCCD số 096195007883 cấp ngày 25/10/2022; Cư trú tại: Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Chí T1, sinh năm 1989; CMND số 381723656; Cư trú tại: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2025 và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Phạm Chí T1 kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 10/11/2015 tại UBND phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do anh T1 hay uống rượu, đập phá vật dụng trong nhà. Vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh T1 nên xin ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/7/2019 và Phạm Gia B, sinh ngày 09/8/2020. Khi ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Chí T1: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh T1 không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T1 về các nội dung khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Chí T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Phạm Chí T1 xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau) nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị T xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do anh T1 hay uống rượu, đập phá vật dụng trong nhà. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6 năm 2023 đến nay, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh T1 nên kiên quyết xin ly hôn với anh T1.

Về phía anh T1, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng anh T1 không có mặt, điều này cho thấy anh T1 không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị T.

Do chị T và anh T1 không còn sống chung; vợ chồng không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị T và anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T và anh T1 ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có hai người con chung tên Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/7/2019 và Phạm Gia B, sinh ngày 09/8/2020. Khi ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện các cháu N, B đang sống chung với mẹ là chị T nên các cháu đã có sự gắn bó, thân thiết với mẹ; hiện các cháu còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ; anh T1 không có ý kiến đối với yêu cầu về con chung của

chị T. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu N, B, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao các cháu N, B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T xác định có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên anh T1 không phải cấp dưỡng cho các con.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh T1 về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh T1 về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Phạm Chí T1.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/7/2019 và cháu Phạm Gia B, sinh ngày 09/8/2020 cho chị Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Chí T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu B mà không ai được cản trở; anh T1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N và cháu B được sống chung với chị T; anh T1 không phải cấp dưỡng cho cháu N và cháu B.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 10/12/2025 chị T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006184 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Phạm Chí T1 có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng;
- UBND phường Tân Thành.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà